TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2019.
"V/v xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Phiến.
2. Ông Đỗ Minh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Cao L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2019/QD9ST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị M, sinh năm 1979 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.
- Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1973 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 540/C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Chị M và anh T do mai mối tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký

kết hôn và được UBND xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/02/1997. Sau khi kết hôn thì Chị M và anh T 05 năm đầu về sống bên chồng, sau đó vợ chồng Chị M ra sống riêng tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Thời gian đầu thì Chị M và anh T chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn phụ giúp Chị M và không chăm lo cho con, anh T thường xuyên đi nhậu, khi về thì cự cải cải với Chị M từ đó mâu thuẫn trầm trọng, tính tình ngày càng không phù hợp, khi cự cải thì anh T đập phá đồ đạc trong nhà, Chị M và anh T bất đồng về quan điểm khiến vợ chồng thường xuyên cự cải, Chị M đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi. Anh Trần Văn T đã bỏ nhà đi từ năm 2003 tỉnh thoảng có về địa phương nhưng không có đến thăm Chị M và cháu H, Chị M và anh T đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay.

Nay chị Phạm Thị M cảm thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn, tính tình không phù hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị M yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung, tên Trần Thạnh H, sinh ngày 01/03/2003 (hiện cháu H đang sống với Chị M). Khi ly hôn Chị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Thạnh H. Chị Phạm Thị M không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M tự thỏa thuận với anh Trần Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Phạm Thị M trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ được thông báo nội dung vụ kiện nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định, bị đơn anh Trần Văn T không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận xin ly yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị M.

+ Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con Trần Thạnh H, sinh ngày 01/03/2003 cho Chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M tự thỏa thuận với anh Trần Văn T, không yêu

cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị Phạm Thị M trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị M yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T, yêu cầu được nuôi con khi ly hôn, anh Trần Văn T có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ nhất Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Trần Văn T không có mặt và Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Trần Văn T nhưng anh T vẫn không có mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn T.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Trần Văn T do mai mối tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 26/02/1997, do đó hôn nhân của Chị M và anh T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn thì Chị M và anh T sống nhờ nhà cha, mẹ chồng được khoảng 05 năm thì Chị M và anh T ra sống riêng tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu thì Chị M và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên nhậu, không lo làm ăn, phụ giúp vợ con, khi nhậu về thì lại cự cải với Chị M từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tính tình vợ chồng không phù hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Chị M có khuyên can anh T nhưng anh T không thay đổi, anh Trần Văn T đã bỏ nhà đi từ năm 2003 tỉnh thoảng có về địa phương nhưng không có đến thăm Chị M và cháu H, Chị M đã sống ly thân với anh Trần Văn T từ năm 2003 cho đến nay. Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và có thông báo số 1124/TB-TA ngày 30/8/2019 tóm tắc yêu cầu của chị Phạm Thị M và tống đạt hợp lệ cho anh Trần Văn T, nhưng anh T không đến Tòa án và không có ý kiến ý trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành xác minh người nhà của anh T, thì người nhà của anh T cho biết là anh T biết được Tòa án đang thụ lý và giải quyết vụ kiện và biết đươc nội dung vụ án tuy nhiên không đến Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa Chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị M.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời gian chung sống có một con chung tên Trần Thạnh H, sinh năm 01/03/2003 (hiện chung sống với chị Phạm Thị M từ năm 2003 cho đến nay). Chị M yêu cầu được nuôi con Trần Thạnh H sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Thạnh H có nguyện vọng sống với chị Phạm Thị M sau khi Chị M và anh T ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của cháu H là được sống với Chị M, cháu H đã sống với Chị M ổn định từ năm 2003 cho đến nay do đó để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu H căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu H cho Chị M nuôi là phù hợp. Chị Phạm Thị M không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của chị Phạm Thị M.

Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng Chị M và anh T được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M tự thỏa thuận với anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Phạm Thị M trình bày không có nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị M được chấp nhận căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị M.

Chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Thạnh H, sinh năm 01/03/2003 cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng Chị M và anh T được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị M tự thỏa thuận với anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị M trình bày không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí Chị M đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004780 ngày 22/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành được trừ vào tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Phạm Thị M phải nộp.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân